UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số:609A /QĐ-ĐHTT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình : *Quản lý đất đai*

Trình độ đào tạo : *Đại học*

Ngành đào tạo : *Quản lý đất đai*

Mã ngành : *7850103*

Loại hình đào tạo : *Chính quy*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Quản lý đất đai có kiến thức và năng lực thực hành chuyên môn về quản lý đất đai. Có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội phục vụ sự phát triển của ngành cũng như của xã hội.

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và có thể học tập lên ở các trình độ cao hơn.

1.2. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Hiểu được nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Hiểu được những vấn đề cơ bản về quốc phòng, an ninh, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng an ninh; có kiến thức cần thiết về phòng thủ, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc, tham gia nghĩa vụ quân sự khi đất nước yêu cầu.
CĐR 2	Có kiến thức về toán học, hóa học, sinh học, xã hội học, tin học và ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và sử dụng đất.
CĐR 3	Hiểu được quy trình về giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai; thị trường bất động sản, tài chính về đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trình tự thanh tra, kiểm tra đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai để vận dụng xử lý các tình huống cụ thể trong quá trình quản lý đất đai

Mã CĐR	Nội dung CĐR
CĐR 4	Có kiến thức về bản đồ, trắc địa, viễn thám, hệ thống định vị toàn cầu, tin học để vận dụng xây dựng được các loại bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở cơ sở dữ liệu đất đai; các kiến thức về phát triển kinh tế xã hội, môi trường, đô thị, nông thôn, đánh giá đất, đánh giá tác động môi trường , thổ nhưỡng để bố trí phương án quy hoạch sử dụng đất, lựa chọn dự án đầu tư, phục vụ công tác quản lý đất đai có hiệu quả.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 5	Đánh giá được tiềm năng, hiệu quả sử dụng đất và xây dựng được phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội
CĐR 6	Sử dụng thành thạo máy loại máy toàn đạc điện tử, máy GPS, các phần mềm chuyên ngành quản lý đất đai để đo đạc, xây dựng hệ thống thông tin đất, thành lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý và sử đụng đất
CĐR 7	Lập được hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chế chấp quyền sử dụng và thực hiện được việc thống kê, kiểm kê đất đai; đánh giá tác động môi trường. Vận dụng được kiến thức pháp luật đất đai để giải quyết được vấn đề về thanh tra, kiểm tra đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định hiện hành; tham mưu tư vấn được trong xây dựng giá đất, bất động sản, tài chính về đất đai
CĐR 8	Tin học: Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin). Ngoại ngữ : Tiếng Anh đúng: Đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.
Kỹ năng mềm	
CĐR 9	Ứng xử linh hoạt, khéo léo trong quá trình vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các công việc chuyên môn có liên quan một cách hiệu quả nhất
CĐR 10	Chủ động xây dựng, tham mưu đề xuất các giải pháp và tổ chức giải quyết các vấn đề mới phát sinh liên quan đến lĩnh vực chuyên môn như đo đạc bản đồ, lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, xây dựng giá đất và các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai ở các cấp
CĐR 11	Phát triển kỹ năng lập kế hoạch, thuyết trình, làm việc nhóm, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc. Năng động, khéo léo trong việc giải quyết các vấn đề về đất đai
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 12	Tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thích ứng với tình hình chính trị - an ninh - kinh tế - xã hội trong và ngoài

Mã CĐR	Nội dung CĐR
	tỉnh; thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm tuyên truyền phát luật nhất là việc tuyên truyền chính sách pháp luật về đất đai
CĐR 13	Tổng hợp, phân tích được kiến thức, thông tin liên quan đến chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý và sử dụng đấ; chủ động xây dựng và đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng đất. Đồng thời đưa ra giải pháp cho các vấn đề mới, phát sinh trong quá trình công tác liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai
CĐR 14	Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai công việc; chủ động kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công việc; giải quyết tốt những mâu thuẫn phát sinh khi thi hành nhiệm vụ. Có khả năng tư duy độc lập, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất; biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp đồng nghiệp; biết cách làm việc nhóm; bố trí, quản lý quỹ thời gian cá nhân hợp lý, có khả năng thuyết trình trước đám đông, truyền cảm hứng tới người nghe
CĐR 15	Yêu nghề, trung thực trong báo cáo với đồng nghiệp và cấp trên, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao; tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ trong công tác quản lý và sử dụng đất. Chịu trách nhiệm trước cơ quan đối với phần việc được phân công
Vị trí làm việc sau tốt nghiệp	
CĐR 16	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ. Tổng cục Quản lý đất đai, Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp, Viện Nông hóa thổ nhưỡng, Hội Trắc địa bản đồ Việt Nam; Hội Khoa học đất; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn…
CĐR 17	Tỉnh ủy, huyện ủy, UBND các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị các quận, huyện, thị xã. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng , chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. Cán bộ Địa chính - Xây dựng, Thanh tra xây dựng tại các xã, phường, thị trấn
CĐR 18	Tổng công ty Tài nguyên Môi trường, các ban quản lý dự án, các khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất có liên quan đến quản lý đất đai; trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; giảng viên ngành Quản lý đất đai, Địa chính tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
CĐR 19	Trung tâm định giá đất, môi giới nhà đất, sàn giao dịch bất động sản; mở công ty riêng hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai...
Khả năng phát triển và nâng cao trình độ	
CĐR 20	Thạc sĩ Quản lý đất đai, quản lý Tài nguyên thiên nhiên
CĐR 21	Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa bản đồ , Bản đồ viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý

1.3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	**Học phần**	**Kiến thức**				**Kỹ năng**							**Thái độ, Năng lực tự chủ**				**Vị trí VL sau tốt nghiệp**				**KN PT và NCTĐ**	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
A. Kiến thức giáo dục đại cương																						
I. Lý luận chính trị																						
LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2		1	1	2	1	1		2		1	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1
LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	2		1	1	2	1	1		2		1	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1	1	2	1	1		2		1	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1
LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2		1	1	2	1	1		2		1	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1
II. Ngoại ngữ																						
NN2.1.001.3	Tiếng anh 1		2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2
NN2.1.002.2	Tiếng anh 2		2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2
NN2.1.003.2	Tiếng anh 3		2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2
NN2.1.004.3	Tiếng anh4		2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2
III. Tin học																						

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																					
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng							Thái độ, Năng lực tự chủ				Vị trí VL sau tốt nghiệp				KN PT và NCTĐ		
						Cứng				Mềm													
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
IV. Khoa học tự nhiên																							
TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	2	2	
TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	2	2	
TN2.1.301.3	Hóa đại cương		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	2	2	
TN2.1.302.2	Hóa phân tích		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	2	2	
TN2.1.405.2	Sinh học đại cương		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	
TN2.1.406.2	Sinh học phân tử		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	
TN2.1.250.2	Vật lý đại cương		2	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	
XH2.1.054.2	Địa lý kinh tế Việt Nam	2		1	1	2	1	1		2		1	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	
V. Khoa học xã hội																							
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2		1	1	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
VI. Giáo dục thể chất																							
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2	
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2	
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng							Thái độ, Năng lực tự chủ				Vị trí VL sau tốt nghiệp				KN PT và NCTĐ	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC3.1.017.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng							Thái độ, Năng lực tự chủ				Vị trí VL sau tốt nghiệp				KN PT và NCTĐ	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC3.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội)	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2
VII. Giáo dục Quốc phòng - An ninh																						
TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																						
I. Kiến thức cơ sở ngành																						
NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng	1	1	1	2	2	1	1	2	1	1	2		2	1	2	1	2	2	2	1	2
NL2.1.047.3	Đánh giá đất	1	1	1	2	2	1	1	2	1	1	2		2	1	2	1	2	2	2	1	2
NL2.1.041.2	Bản đồ học	1	1	1	2	1	2	1	1	2	1	1		2	1	2	1	2	2	2	2	2
NL2.1.042.2	Trắc địa I	1	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1		2	1	2	1	2	2	2	2	2
NL2.1.048.4	Trắc địa II	1	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1		2	1	2	1	2	2	2	2	2
NL2.1.052.2	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội	1	1	1	2	2	1	1	1	1	2	1		2	1	2	2	2	2	2	1	2
NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa	1	1	1	2	1	2	1	2	1	1	2		2	1	2	1	2	2	2	1	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng							Thái độ, Năng lực tự chủ				Vị trí VL sau tốt nghiệp				KN PT và NCTĐ	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
	lý (GIS)																					
NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường	1	1	1	2	2	1	1	2	1	1	2	1	2	1	2	1	2	2	2	1	2
NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	1	1	1	2	2	1	1	2	1	1	2		2	1	2	1	2	2	2	1	2
NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường	1	1	1	2	2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
II. Kiến thức ngành																						
NL2.1.045.2	Pháp luật đất đai	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.137.2	Quản lý nhà nước về đất đai	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.046.2	Quản lý môi trường	1	1	1	2	2	1	2		2	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	1
NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	2	2	1	2	2	2	2	2	1
NL2.1.058.2	Quy hoạch phát triển nông thôn	1	1	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	2	2	1	2	2	2	2	2	1
NL2.1.053.2	Định giá đất và bất động sản	1	1	2	2	2	1	2		2	2	2		2	2	2	1	2	2	2	2	1
NL2.1.057.2	Thị trường bất động sản	1	1	2	2	1	2	2		2	2	2	1	2	2	1	1	2	2	2	2	1
NL2.1.071.2	Hệ thống định vị toàn cầu	1	1	2	2	2	2	2	1	2	1	1		2	1	2	1	2	2	2	2	2
NL2.1.007.2	Ô nhiễm môi trường	1	1	1	2	2	1	2		1	1	2	1	1	2	2	1	2	2	2	2	1
NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám	1	1	2	2	1	2	2	1	2	1	1		2	1	2	1	2	2	2	2	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng							Thái độ, Năng lực tự chủ				Vị trí VL sau tốt nghiệp				KN PT và NCTĐ	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
NL2.1.062.2	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	1	1	1	2	2	1	2		1	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.061.2	Cơ sở dữ liệu địa chính	1	1	2	2	1	2	1	2	1	2	1	1	2	2	1	1	2	2	2	2	2
NL2.1.068.2	Phương pháp nghiên cứu và thống kê môi trường	1	1	1	1	1	2	1		1	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2	2	1
NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS)	1	1	2	2	1	2	1	2	1	2	1	1	2	2	1	1	2	2	2	2	2
III. Kiến thức chuyên ngành																						
NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1
NL2.1.056.3	Đăng ký, thống kê đất đai	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1
NL2.1.059.2	Kinh tế đất	1	1	2	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1
NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.064.3	Thanh tra đất đai	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
NL2.1.065.2	Giao đất, thu hồi đất	1	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
NL2.1.075.4	Ứng dụng tin học vẽ bản đồ	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.154.2	Thực tập đo vẽ bản đồ địa chính.			2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2
NL2.1.155.2	Rèn nghề Thanh tra đất đai			2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1
IV. Thực tập																						

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																				
Mã HP	**Học phần**	**Kiến thức**				**Kỹ năng**							**Thái độ, Năng lực tự chủ**				**Vị trí VL sau tốt nghiệp**				**KN PT và NCTĐ**	
						Cứng				Mềm												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21
NL2.1.148.4	Thực tập 1: Quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký thống kê đất đai	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
NL2.1.072.4	Thực tập 2: Công tác quản lý nhà nước về đất đai	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																						
V.1. Khóa luận tốt nghiệp																						
NL2.1.074.6	Khóa luận tốt nghiệp	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																						
NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2
NL2.1.140.2	Thuế nhà đất	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1
NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	1

Ghi chú: *0- Không đóng góp* *1 - Có đóng góp* *2 - Đóng góp nhiều*

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 kỳ)

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành : 24 tín chỉ
- Kiến thức ngành : 22 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành : 25 tín chỉ
- Thực tập : 08 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học, bổ túc THPT hoặc tương đương; có sức khoẻ để học tập và thực hiện đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ *(Ban hành kèm theo quyết định số* QĐ 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

6. Thang điểm: Thang điểm 10 sau đó quy đổi thành thang điểm 4

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết, k.tra	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**45**	**393**	**249**	**33**		
I. Lý luận chính trị			**10**	**104**	**46**	**0**		
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	21	9	0	x	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	32	13	0	x	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	x	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	32	13	0	x	
II. Ngoại ngữ			**10**	**76**	**74**	**0**		
5	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1	3	23	22	0	x	
6	NN2.1.002.2	Tiếng anh 2	2	15	15	0	x	
7	NN2.1.003.2	Tiếng anh 3	2	15	15	0	x	

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết, k.tra	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
8	NN2.1.004.3	Tiếng anh4	3	23	22	0	x	
III. Tin học			**2**	**15**	**15**	**0**	**x**	
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	16	14	0	x	
IV. Khoa học tự nhiên			**19**	**168**	**84**	**33**		
10	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương	3	23	22	0	x	
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	23	22	0	x	
12	TN2.1.301.3	Hóa đại cương	3	23	13	9	x	
13	TN2.1.302.2	Hóa phân tích	2	16	14	0	x	
14	TN2.1.405.2	Sinh học đại cương	2	15	13	2	x	
15	TN2.1.406.2	Sinh học phân tử	2	16	14	0	x	
16	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương	2	16	14	0	x	
17	XH2.1.054.2	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	15	0	15	x	
V. Khoa học xã hội			**4**	**30**	**30**			
18	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	21	9	0	x	
19	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	15	15	0	x	
VI. Giáo dục thể chất								
20	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	7	0	23	x	
21	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	5	0	40		x
22	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	5	0	40		x
23	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	5	0	40		x
24	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	4	0	41		x
25	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	3	0	42		x
26	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	5	0	40		x
27	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	3	0	27		x
28	TC3.1.017.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2	3		27		
29	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3	4		41		
30	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	3	0	27		x
31	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	1	0	29		x
32	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	3	0	27		x
33	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	3	0	27		x
34	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	3	0	27		x
35	TC3.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	1		29		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết, k.tra	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
36	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội)	2	1		29		
VII. Giáo dục Quốc phòng - An ninh								
37	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3	45	0	0	x	
38	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	2	30	0	0	x	
39	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3	3	18	0	27	x	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**85**	**507**	**159**	**609**		
I. Kiến thức cơ sở ngành			**24**	**184**	**25**	**151**		
40	NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng	2	14	0	16	x	
41	NL2.1.047.3	Đánh giá đất	3	22	0	23	x	
42	NL2.1.041.2	Bản đồ học	2	15	15	0	x	
43	NL2.1.042.2	Trắc địa I	2	16	0	14	x	
44	NL2.1.048.4	Trắc địa II	4	15	0	45	x	
45	NL2.1.052.2	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội	2	20	10	0	x	
46	NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	22	0	8	x	
47	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường	2	20	2	8	x	
48	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	2	14	0	16	x	
49	NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường	3	25	0	20	x	
II. Kiến thức ngành			**22**	**196**	**94**	**40**	**0**	
50	NL2.1.045.2	Pháp luật đất đai	2	20	10	0	x	
51	NL2.1.137.2	Quản lý nhà nước về đất đai	2	20	10	0	x	
52	NL2.1.046.2	Quản lý môi trường	2	20	10	0	x	
53	NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2	20	10	0	x	
54	NL2.1.058.2	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	14	1	15	x	
55	NL2.1.053.2	Định giá đất và bất động sản	2	15	15	x	x	
56	NL2.1.057.2	Thị trường bất động sản	2	16	14	0	x	
57	NL2.1.071.2	Hệ thống định vị toàn cầu	2	18	0	12	x	
58	NL2.1.007.2	Ô nhiễm môi trường	2	16	4	10		x
59	NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám	2	27	3	0		x
60	NL2.1.062.2	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	20	10	0		x
61	NL2.1.061.2	Cơ sở dữ liệu địa chính	2	20	0	10		x

S TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết, k.tra	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
62	NL2.1.068.2	Phương pháp nghiên cứu và thống kê môi trường	2	15	10	5		x
63	NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2	20	0	10		x
III. Kiến thức chuyên ngành			**25**	**127**	**40**	**208**		
64	NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất	4	16	0	44	x	
65	NL2.1.056.3	Đăng ký, thống kê đất đai	3	21	9	15	x	
66	NL2.1.059.2	Kinh tế đất	2	14	16	0	x	
67	NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính	3	30	0	15	x	
68	NL2.1.064.3	Thanh tra đất đai	3	16	0	29	x	
69	NL2.1.065.2	Giao đất, thu hồi đất	2	15	15	0	x	
70	NL2.1.075.4	Ứng dụng tin học vẽ bản đồ	4	15	0	45	x	
71	NL2.1.154.2	Rèn nghề Thành lập Bản đồ địa chính	2	0	0	30	x	
72	NL2.1.143.2	Rèn nghề Thanh tra đất đai	2	0	0	30	x	
IV. Thực tập			**8**	**0**	**0**	**120**	**0**	
73	NL2.1.148.4	Thực tập 1: Quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký, thống kê đất đai	4	0	0	60	x	
74	NL2.1.165.4	Thực tập 2: Công tác quản lý nhà nước về đất đai	4	0	0	60	x	
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**	**0**	**0**	**90**		
V.1. Khóa luận tốt nghiệp			6	0	0	90	x	
75	NL2.1.074.6	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	90	x	
V.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6	56	19	15		
76	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án	2	15	0	15	x	
77	NL2.1.140.2	Thuế nhà đất	2	15	15	0	x	
78	NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở	2	26	4	0	x	
Tổng số tín chỉ toàn khóa:			**130**	**900**	**408**	**642**		

8. Kế hoạch giảng dạy *(Dự kiến)*

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa	Không	2	2							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
		Mác - Lênin 1										
2	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1	Không	3	3							
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	Không	2	2							
4	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương	Không	3	3							
5	TN2.1.301.3	Hóa đại cương	Không	3	3							
6	TN2.1.405.2	Sinh học đại cương	Không	2	2							
7	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	không	2	2							
8	XH2.1.054.2	Địa lý kinh tế Việt Nam	Không	2		2						
9	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	LL2.1.001.2	3		3						
10	NN2.1.002.2	Tiếng anh 2	NN2.1.001.3	2		2						
11	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	LL2.1.001.2 LL2.1.002.3	2		2						
12	TN2.1.302.2	Hóa phân tích	TN2.1.301.3	2		2						
13	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương	TN2.1.108.3	2		2						
14	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	Không	2		2						
15	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	TC2.1.001.2	3		3						
16	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	TC2.1.001.2	3		3						
17	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	TC2.1.001.2	3		3						
18	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	TC2.1.001.2	3		3						
19	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	TC2.1.001.2	3		3						
20	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	TC2.1.001.2	3		3						
21	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	TC2.1.001.2	3		3						
22	TC3.1.017.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	TC2.1.001.2	2		2						
23	TC2.1.014.3	GDQP - An ninh 1	Không	3		3						
24	TC2.1.015.2	GDQP -An ninh 2	Không	2		2						

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
25	TC2.1.016.3	GDQP - An ninh 3	Không	3		3						
26	TN2.1.406.2	Sinh học phân tử	TN2.1.405.2	2			2					
27	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.001.2 LL2.1.002.3	2			2					
28	NN2.1.003.2	Tiếng anh 3	NN2.1.002.2	2			2					
29	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	TN2.1.113.3	3			3					
30	NL2.1.045.2	Pháp luật đất đai	LL2.1.007.2	2			2					
31	NL2.1.041.2	Bản đồ học	NL2.1.045.2	2			2					
32	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường	TN2.1.405.2	2			2					
33	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	TC2.1.002.3	2			2					
34	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	TC2.1.003.3	2			2					
35	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	TC2.1.004.3	2			2					
36	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	TC2.1.005.3	2			2					
37	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	TC2.1.006.3	2			2					
38	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	TC2.1.007.3	2			2					
39	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội)	TC2.1.001.2	2			2					
40	TC3.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	TC2.1.001.2	2			2					
41	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	LL2.1.003.2	3				3				
42	NN2.1.004.3	Tiếng anh 4	NN2.1.003.2	3				3				
43	NL2.1.137.2	Quản lý nhà nước về đất đai	NL2.1.045.2	2				2				
44	NL2.1.042.2	Trắc địa I	NL2.1.045.2	2				2				
45	NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính	NL2.1.137.2	3				3				
46	NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	TN2.1.501.2	2				2				
47	NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng	TN2.1.301.3	2				2				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
48	NL2.1.046.2	Quản lý môi trường	NL2.1.045.2	2				2				
49	NL2.1.052.2	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội	NL2.1.045.2	2				2				
50	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	NL2.1.044.2	2				2				
51	NL2.1.047.3	Đánh giá đất	NL2.1.044.2	3					3			
52	NL2.1.048.4	Trắc địa II	NL2.1.042.2	4					4			
53	NL2.1.059.2	Kinh tế đất	NL2.1.045.2	2					2			
54	NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường	NL2.1.016.2 NL2.1.044.2	3					3			
55	NL2.1.058.2	Quy hoạch phát triển nông thôn	NL2.1.052.2	2					2			
56	NL2.1.075.4	Ứng dụng tin học vẽ bản đồ	NL2.1.137.2	4					4			
57	NL2.1.154.2	Rèn nghề Thành lập Bản đồ địa chính	NL2.1.043.3	2					2			
58	NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất	NL2.1.052.2 NL2.1.047.3	4						4		
59	NL2.1.056.3	Đăng ký, thống kê đất đai	NL2.1.137.2	3						3		
60	NL2.1.057.2	Thị trường bất động sản	NL2.1.045.2	2						2		
61	NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	NL2.1.052.2	2						2		
62	NL2.1.148.4	Thực tập 1: Quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký thống kê đất đai	NL2.1.055.4 NL2.1.056.3	4						4		
63	NL2.1.007.2	Ô nhiễm môi trường (HPTC)	NL2.1.016.2	2							2	
64	NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám (HPTC)	NL2.1.041.2 NL2.1.042.2	2							2	
65	NL2.1.062.2	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản - (HPTC)	NL2.1.045.2	2							2	
66	NL2.1.061.2	Cơ sở dữ liệu địa chính (HPTC)	NL2.1.056.3 NL2.1.049.2	2							2	
67	NL2.1.053.2	Định giá đất và bất động sản	NL2.1.045.2	2							2	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
68	NL2.1.071.2	Hệ thống định vị toàn cầu	NL2.1.042.2 NL2.1.048.4	2							2	
69	NL2.1.068.2	Phương pháp nghiên cứu và thống kê môi trường (HPTC)	TN2.1.109.3	2							2	
70	NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS) (HPTC)	TN2.1.501.2	2							2	
71	NL2.1.064.3	Thanh tra đất đai	NL2.1.045.2	3							3	
72	NL2.1.065.2	Giao đất, thu hồi đất	NL2.1.045.2	2							2	
73	NL2.1.155.2	Rèn nghề Thanh tra đất đai	NL2.1.064.3	2							2	
74	NL2.1.072.4	Thực tập 2: Công tác quản lý nhà nước về đất đai	NL2.1.137.2	4								4
75	NL2.1.074.6	Khóa luận tốt nghiệp	NL2.1.137.2	6								6
76	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án	NL2.1.068.2	2								2
77	NL2.1.140.2	Thuế nhà đất	NL2.1.045.2	2								2
78	NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở	NL2.1.045.2	2								2
Cộng:				**130**	**15**	**15**	**15**	**23**	**20**	**15**	**17**	**10**

9. Mô tả nội dung các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 là phần Triết học Mác-Lênin. Cụ thể: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin ; chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin về: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; lí luận về chủ nghĩa xã hội.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần cung cấp những kiến thức về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu

và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày cơ sở quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp những nội dung cơ bản về : Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) ; Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) ; Đường lối của Đảng trong từng lĩnh vực (công nghiệp hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại). Sau khi học xong học phần, người học sẽ hiểu được quá trình hình thành, bổ sung và hoàn thiện đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

9.5. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc học phần, người học có trình độ tiếng Anh sơ cấp, tương đương đầu Bậc A1, cụ thể người học có khả năng:

Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn (khoảng 40 đến 60 từ); có thể nói về các chủ đề quen thuộc: gia đình, bản thân, kì nghỉ,...; Viết bài đơn giản có tính liên kết về những chủ đề quen thuộc hay mối quan tâm cá nhân. Có thể viết bưu thiếp hoặc thông tin cá nhân (khoảng 40-60 từ).

9.6. Tiếng Anh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kĩ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình tiếng Anh 1; tiếp tục trang bị cho sinh viên vốn từ, tình huống giao tiếp phổ biến trong cuộc sống hàng ngày; qua các các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức và luyện thêm kĩ năng giao tiếp qua các chủ đề.

9.7. Tiếng Anh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần tiếp tục củng cố từ vựng và kĩ năng trong các tình huống giao tiếp thông thường mà sinh viên đã tích lũy trong chương trình Tiếng Anh 2; tiếp tục

trang bị cho sinh viên vốn từ, tình huống giao tiếp phổ biến trong cuộc sống hàng ngày; qua các các bài đọc và bài luyện, tiếp tục cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức và luyện thêm kĩ giao tiếp qua các chủ đề.

9.8. Tiếng Anh 4: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3

Học phần này trang bị thêm cho người học các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc như khám phá thế giới, các hoạt động thường làm vào cuối tuần, nơi chốn, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.....

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn với chỉ tương lai, các động từ chỉ sở thích like, love.....

9.9. Tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này bao gồm 3 phần cơ bản:

Phần I -Kiến thức cơ bản về máy tính: trang bị cho người học một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành.

Phần II-Phần mềm ứng dụng:Người học làm quen với phần mềm soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay - MS Word, ngoài ra Người học có thể sử dụng bảng tính MS Excel để tính toán và cuối cùng biết thiết kế những trang trình chiếu cơ bản với MS PowerPoint.

Phần III - Mạng máy tính và Internet: mang đến cho người học kiến thức về mạng máy tính, cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị cần thiết trong mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.

9.10. Toán cao cấp đại cương: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân, phép tính tích phân, đại cương về chuỗi, phương trình vi phân.

9.11. Xác suất - Thống kê: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

9.12. Hóa đại cương: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này trang bị cho người học các kiến thức về: Cấu tạo chất. Những khái niệm cơ bản về nhiệt hóa học. Cân bằng hóa học. Tốc độ phản ứng. Dung dịch. Điện hóa. Thực hành.

9.13. Hóa phân tích: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về các khái niệm cơ bản trong hóa phân tích; Hóa học phân tích định tính; Hóa học phân tích định lượng; Giới thiệu một số phương pháp phân tích công cụ.

9.14. Sinh học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Tổng quan về tổ chức cấu tạo của cơ thể sống, quá trình trao đổi chất và năng lượng của tế bào. Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử và tế bào. Các quy luật di truyền và quá trình tiến hóa của sinh giới.

9.15. Sinh học phân tử: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về các đại phân tử sinh học; ADN và sự biểu hiện của gen; các vật liệu, kỹ thuật, phương pháp sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử và những ứng dụng của sinh học phân tử trong thực tiễn.

9.16. Vật lý đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: cơ học chất điểm, cơ học hệ chất điểm và vật rắn, những cơ sở của thuyết động học phân tử khí lí tưởng, trường tĩnh điện, vật dẫn điện môi, dòng điện không đổi.

9.17. Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về Địa lí kinh tế Việt Nam, những yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế xã hội của Việt Nam đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội. Nghiên cứu về các ngành kinh tế và các vùng kinh tế trong cả nước trong giai đoạn hiện nay. Từ đó sinh viên có thể so sánh được sự phát triển kinh tế của một địa phương so với cả nước và của địa phương mình so với các địa phương khác trong cả nước.

9.18. Pháp luật đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.19. Xã hội học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần gồm 30 tiết (2 tín chỉ), được chia thành 7 bài, mỗi học phần sẽ có những nội dung, kiến thức riêng nhưng cơ bản là sẽ cung cấp cho người học các thông tin về: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của XHH; Một số khái niệm cơ bản của XHH; Một số lĩnh vực nghiên cứu của XHH; Phương pháp nghiên cứu của XHH, cơ cấu xã hội ….

9.20. Giáo dục thể chất 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến chung về một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC; một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDTT; chạy cự ly ngắn; chạy cự ly trung bình.

9.21. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Nguồn gốc và sự phát triển Đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá; một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người; một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá; phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

9.22. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn; cách cầm vợt và tu thế chuẩn bị đánh bóng; kỹ thuật líp bóng thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật líp bóng trái tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

9.23. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

9.24. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Lịch sử phát triển môn cầu lông, quá trình phát triển của môn cầu lông; cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển trong cầu lông; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kỹ thuật phông cầu.

9.25. Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ VoViNam; kỹ thuật môn võ VoViNam.

9.26. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa.

9.27. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người; một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

9.28. Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức: Lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng của môn bóng rổ và phần thức hành gồm: Kỹ thuật đập bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật nhồi bóng (ngang, đập đất); kỹ thuật bắt bóng một (hai) tay; kỹ thuật chuyền bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật di chuyển chuyền bắt bóng; kỹ thuật dẫn bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật lên rổ 2 bước; kỹ thuật ném rổ 2 điểm, 3 điểm.

9.29. Giáo dục thể chất 2 (Bôi lội): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức: Khái niệm môn bơi lội; sơ lược lịch sử bơi lội; tác dụng của môn bơi lội; kỹ thuật bơi ếch; kỹ thuật bơi trườn sấp.

9.30. Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật giật bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật phát bóng.

9.31. Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền; chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

9.32. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kỹ thuật đập cầu; kỹ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

9.33. Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn võ Vôvinam; kỹ thuật môn võ VoViNam.

9.34. Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Nguyên lý kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa và một số điều luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa, qua đó đảm bảo được công tác chuyên môn sau khi các em ra trường.

9.35. Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Đã học xong khối kiến thức bắt buộc GDTC 1, 2

Học phần bao gồm những kỹ - chiến thuật bóng rổ: Chiến thuật trong bóng rổ, Kỹ thuật tấn công, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật ném rổ, kỹ thuật chạy 2 bước nhảy ném rổ, kỹ thuật lên rổ.

9.36. Giáo dục thể chất 3 - Bơi lội: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về kỹ thuật bơi trườn sấp.

9.37. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

9.38. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về

dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

9.39. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau: Đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

9.40. Thổ nhưỡng: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

Học phần Thổ nhưỡng nghiên cứu các vấn đề về: Khoáng vật và đá hình thành đất; sự hình thành đất; sinh vật đất; chất hữu cơ của đất; keo đất và khả năng hấp phụ của keo đất; phản ứng của đất; thành phần hóa học và dinh dưỡng trong đất; thành phần chất hữu cơ và kết cấu đất; nước trong đất; không khí và nhiệt trong đất; một số tính chất vật lý, cơ lý của đất; xói mòn đất, ô nhiễm đất; độ phì nhiêu của đất; phân loại đất; đất vùng đồng bằng và ven biển Việt Nam; đất đồi núi Việt Nam.

9.41. Đánh giá đất: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về: phương pháp đánh giá đất theo FAO, đơn vị bản đồ đất đai, xác định loại hình sử dụng đất, phân hạng thích hợp đất đai, đánh giá đất theo chỉ dẫn của FAO ở Việt Nam

9.42. Bản đồ học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Vai trò của bản đồ trong thực tiễn và khoa học; cơ sở toán học của bản đồ; phương pháp biểu diễn và tổng quát hóa bản đồ; nội dung và việc sử dụng bản đồ địa hình; thiết kế biên tập và thành lập bản đồ.

9.43. Trắc địa I: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chung về trắc địa; đo độ cao; đo vẽ bình đồ và tính diện tích.

9.44. Trắc địa II: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Trắc địa I

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Lý thuyết sai số đo; bình sai lưới trắc địa khu vực và bình sai lưới khống chế đo vẽ, thực hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính của một khu đất.

9.45. Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy trình quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đã áp dụng trên thế giới và Việt Nam.

9.46. Hệ thống thông tin địa lý (GIS): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần trang bị những kiến thức chung về hệ thống thông tin đất; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất; hệ thống thông tin địa chính; tính kinh tế của hệ thống thông tin đất.

9.47. Sinh thái môi trường: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Gồm kiến thức cơ bản: Mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường với các cấp độ của tổ chức sống (cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái); về tài nguyên môi trường: các chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; những kiến thức này làm cơ sở cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sinh viên còn được nghiên cứu thêm một số bài thực hành về sinh thái học, mô hình Nông – Lâm kết hợp và về môi trường.

9.48. Hệ thống nông nghiệp: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần hệ thống nông nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức hệ thống nông nghiệp, hộ nông dân, trang trại nông hộ, ứng dụng một số phương pháp đánh giá nhanh nông thôn, thử nghiệm và mở rộng kết quả sản xuất.

9.49. Đánh giá tác động môi trường: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường, thổ nhưỡng

Học phần giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường; Phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường; bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường; yêu cầu của việc xây dựng và sử dụng các kỹ thuật/phương pháp đánh giá tác động môi trường trong một dự án ĐTM (Đánh giá tác động môi trường). Nghiên cứu chi tiết một số kỹ thuật và phương pháp thường dùng để nhận dạng; đánh giá và dự báo các tác đông môi trường tiềm tàng của một dự án trong quá trình thực hiện ĐTM; các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

9.50. Pháp luật đất đai: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đất đai nghiên cứu các vấn đề cơ bản nhất về: Chính sách pháp luật đất đai; quyền của nhà nước đối với đất đai; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chế độ sử dụng đất.

9.51. Quản lý nhà nước về đất đai: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Quản lý hành chính về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về đất đai nói riêng; quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta; nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

9.52. Quản lý môi trường: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Lý thuyết phát triển bền vững; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và cơ sở khoa học của quản lý môi trường; các công cụ để quản lý môi trường.

9.53. Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Quy hoạch phát triển nông thôn

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Cơ cấu dân cư trong phạm vi vùng lãnh thổ; đô thị và quá trình phát triển đô thị; quy hoạch xây dựng phát triển đô thị; đểm dân cư nông thôn và quá trình phát triển và quy hoạch xây dựng và phát triển điểm dân cư nông thôn.

9.54. Quy hoạch phát triển nông thôn: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Nông thôn; phát triển nông thôn; quy hoạch phát triển nông thôn; quy trình lập quy hoạch phát triển nông thôn; mối quan hệ giữa quy hoạch phát triển nông thôn với dự án phát triển kinh tế xã hội; phát triển nông thôn với bảo vệ môi trường.

9.55. Định giá đất và bất động sản: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần bao gồm những vấn đề chung về đất đai và bất động sản; giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; định giá đất, nguyên tắc, phương pháp định giá đất và bất động sản.

9.56. Thị trường bất động sản: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về pháp luật về bất động sản; đăng ký bất động sản; thông tin bất động sản; quản lí nhà nước đối với thị trường bất động sản và thực trạng và một số giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.

9.57. Hệ thống định vị toàn cầu: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Bản đồ học

Học phần trang bị cho sinh viên kiến về: Các kiến thức cơ bản về hệ tọa độ thường dùng trong Trắc địa vệ tinh, các hệ thống thời gian, định luật Keppler, các phương pháp quan sát vệ tinh; hệ thống định vị toàn cầu; sử dụng một số máy GPS thông dụng.

9.58. Ô nhiễm môi trường: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Tổng quan ô nhiễm môi trường; tác nhân, tác hại và biện pháp phòng, xử lý ô nhiễm các loại môi trường đất, nước, không khí và chất rắn.

9.59. Trắc địa ảnh và viễn thám: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, trắc địa, bản đồ học

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về đo ảnh như: Phương pháp, cơ sở toán học; những tính chất hình học cơ bản của phép đo trong chụp ảnh hàng không; nguyên lý nhìn và đo lập thể, đoán đọc và điều chỉnh ảnh vẽ; những khái niệm cơ bản về vệ tinh; lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng nghiên cứu.

9.60. Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần mô tả tổng quan về tài nguyên nước, tài nguyên nước ở Việt Nam, tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam, nội dung chính trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản ở Việt Nam.

9.61. Cơ sở dữ liệu địa chính: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Đăng ký thống kê đất đai, hệ thống thông tin địa lý

Học phần cung cấp cho người học những kiến thứ cơ bản về: Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu; vào ra dữ liệu; thao tác với tệp CSDL; sắp xếp, tìm kiếm, đặt lọc, tính toán, thao tác với nhiều tệp CSDL; tạo báo biểu Report - Nhãn Label.

9.62. Phương pháp nghiên cứu và thống kê môi trường: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: phương pháp nghiên cứu; bố trí thí nghiệm và thu thập số liệu; phân tích biến động; phân tích tương quan hồi quy; trình bày kết quả nghiên cứu; xây dựng phương án cho một cuộc điều tra, thống kê môi trường.

9.63. Hệ thống thông tin đất: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần trang bị những kiến thức chung về hệ thống thông tin đất; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất; hệ thống thông tin địa chính; tính kinh tế của hệ thống thông tin đất.

9.64. Quy hoạch sử dụng đất: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; Đánh giá đất

Học phần Quy hoạch sử dụng đất nghiên cứu các vấn đề về: Cơ sở lý luận của quy hoạch sử dụng đất đai; quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

9.65. Đăng ký, thống kê đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước về đất đai

Học phần Đăng ký thống kê đất đai nghiên cứu những kiến thức tổng quan về đăng ký đất đai; những quy định chung về đăng ký đất đai; đăng ký ban đầu và đăng ký biến động đất đai; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính. Một số vấn đề chung về thống kê đất đai; thống kê các loại đất đai; phương pháp và chế độ báo cáo thống kê đất đai.

9.66. Kinh tế đất: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đại cương về kinh tế tài nguyên đất; địa tô và chính sách kiểm soát dân số; cơ sở khoa học nghiên cứu kinh tế đất; phương pháp phân tích kinh tế đất; đánh giá hiệu quả sử dụng đất; thị trường nhà đất và công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

9.67. Bản đồ địa chính: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước về đất đai

Học phần gồm kiến thức cơ bản về khái quát bản đồ địa chính, cơ sở toán học bản đồ địa chính; quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; sử dụng,

cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính; trình bày bản đồ địa chính.

9.68. Thanh tra đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Thanh tra đất đai nghiên cứu những vấn đề về: Những quy định chung về thanh tra, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra đất đai, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai.

9.69. Giao đất và thu hồi đất: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Giao đất, thu hồi đất nghiên cứu những vấn đề giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và thu hồi đất.

9.70. Ứng dụng tin học vẽ bản đồ: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước về đất đai

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về cơ sở địa lý học, bản đồ số, các phương pháp thành lập bản đồ số, chuẩn hoá bản đồ, các qui trình, quy phạm

thành lập bản đồ số và ứng dụng bộ phần mềm Mapping Office trong xây dựng bản đồ.

9.71. Rèn nghề Thành lập Bản đồ địa chính: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Bản đồ địa chính

Học gồm một số kiến thức cơ bản về đo đạc chi tiết thực địa để thành lập một mảnh bản đồ địa chính theo đúng quy định hiện hành.

9.72. Rèn nghề Thanh tra đất đai: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thanh tra đất đai

Học phần này gồm những nội dung sau: Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; công tác giải quyết tranh chấp đất đai; công tác xử phạt vi phạm hành chính về đất đai.

9.73. Thực tập 1: Quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký thống kê đất đai: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất; Đăng ký, thống kê đất đai

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về: Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và hiện trạng sử dụng đất của đơn vị hành chính; lập phương án quy hoạch sử dụng đất; lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai.

9.74. Thực tập 2: Công tác quản lý nhà nước về đất đai: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Sau khi đã học xong các học phần chuyên ngành.

Học phần gồm các nội dung cơ bản trong công tác quản lý đất đai như: Giao đất, thu hồi đất; chuyển mục đich sử dụng đất; định giá đất; quy hoạch sử dụng đất; thanh tra đất đai; đăng ký, thống kê đất đai; bồi thường giải phóng mặt bằng ...

9.75. Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1, thực tập 2

Người học có thể thực hiện một trong các hướng đề tài nghiên cứu như: Đánh giá hiện trạng sử dụng đất; đánh giá tác động của đô thị hóa đến chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất. công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất; công tác chuyển quyền, việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất; đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; công tác giải quyết tranh chấp, thanh tra, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, lập lưới khống chế, lưới đo vẽ chi tiết; ứng dụng các phần mềm chuyên ngành thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lý đất đai; công tác đăng ký đất đai, đăng ký biến động đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác thống kê, kiểm kê đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đánh giá việc thực hiện xây dựng nông thôn mới; công tác tài chính về đất đai và thị trường bất động sản...

9.76. Xây dựng và quản lý dự án: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản quản lý dự án; xây dựng dự án; phân tích và thẩm định dự án; thực hiện dự án.

9.77. Thuế nhà đất: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Khái quát về thuế và hệ thống thuế; hệ thống thuế tài sản một số nước trên thế giới; hệ thống thuế ở Việt Nam; thuế bất động sản ở Việt Nam bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới bất động sản.

9.78. Pháp luật xây dựng và nhà ở: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Pháp luật về xây dựng; pháp luật về nhà ở

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Quy định chung

- Việc thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai dựa trên các căn cứ sau:

+ Luật Giáo dục hiện hành;

+ Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

+ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

+ Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28 tháng 9 năm 2015 , được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

+ Quyết định số 37/QĐ-ĐHTTr ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm;

+ Tuân thủ theo hướng dẫn số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng hiện đang đào tạo ngành

- Khi thực hiện nội dung chương trình đào tạo các đơn vị, cá nhân có liên quan phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo đã ban hành và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu nhà phê duyệt trước khi thực hiện.

- Các đơn vị, cá nhân có liên quan xây dựng đề cương bài giảng/giáo án và tổ chức giảng dạy theo hướng thực hành, tích cực các hoạt động thực tiễn gắn với nghề nghiệp, đồng thời chú trọng việc hướng dẫn sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Đối với các học phần lí thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của người học. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lí về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: Không quá 30 tiết/ tuần, được chia thành các phần: Lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập, rèn nghề: Thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Một tiết học được tính bằng 50 phút.

- Hình thức tuyển sinh: Từ nguồn thí sinh đăng kí thi tuyển hệ Đại học chính quy, khối A, B, D, K1.

- Đánh giá học phần .

+ Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, bài tập và thực hành:

Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

+ Riêng đối với học phần thực tập: Điểm thực tập của sinh viên được tính theo công thức:

$Đ_{TT} = 40\% \times Đ_{QTTT} + 60\% \times Đ_{BCTT}$

Trong đó:

$Đ_{TT}$: Điểm thực tập

$Đ_{QTTT}$: Điểm quá trình thực tập

$Đ_{BCTT}$: Điểm báo cáo thực tập

Điểm quá trình thực tập của sinh viên được tính theo thang điểm 10 là điểm của người hướng dẫn của cơ sở thực tập (do người hướng dẫn của cơ sở thực tập đánh giá). Điểm báo cáo thực tập được tính thang điểm 10 và do khoa chuyên môn thành lập Hội đồng chấm và đánh giá và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

10.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

- Tổ chức kiểm tra giữa kỳ (kiểm tra thường xuyên)

Các học phần có số tín chỉ ≤ 2 tiến hành kiểm tra một lần, đối với các học phần từ 3 tín chỉ trở lên kiểm tra 2 lần.

Đối với các tín chỉ bài tập hoặc thực hành, thì lấy một điểm bài tập hoặc thực hành làm điểm kiểm tra giữa kỳ. Đối với các học phần rèn nghề không tổ chức kiểm tra giữa kỳ mà lấy điểm kết quả rền nghề và điểm chuyên cần để tính điểm học phần.

- Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

+ Thời gian thi của các học phần: Học phần có khối lượng 2 tín chỉ: 60 phút; học phần có khối lượng từ 3 tín chỉ: 90 phút.

+ Thời gian thi theo hình thức trắc nghiệm ít nhất 15 phút/tín chỉ.

+ Tổ chức thi kết thúc học phần do Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng chủ trì phối hợp với bộ môn, khoa để tổ chức kỳ thi theo quy định.

+ Sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi kết thúc học phần phải làm đơn xin hoãn thi kèm theo giấy xác nhận của cơ quan y tế (nếu bị ốm, tai nạn), nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trong vòng 1 tuần kể từ ngày thi. Khi đã được chấp nhận, sinh viên được sắp xếp thi cùng lớp khác và kết quả được tính là kết quả thi lần 1.

10.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

- Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

+ Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

+ Có đơn gửi Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học;

+ Nộp đầy đủ học phí, kinh phí theo quy định của trường;

+ Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với ngành quản lý đất đai;

- Thời gian xét tốt nghiệp: Do Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề xuất trên cơ sở chương trình, số lượng sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

- Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng làm Thư ký và các thành viên là các trưởng các đơn vị khoa chuyên môn, phòng Đào tạo, phòng Quản lý sinh viên …

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

- Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp một năm, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương, nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Hiệu trưởng xét công nhận tốt nghiệp với khóa sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước 1 tháng kể từ ngày Nhà trường xét tốt nghiệp.

Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện vấn đề gì bất hợp lý đề nghị phản ánh với lãnh đạo Khoa trình Hội đồng trường xem xét quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức